TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 3 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**115**			**58.239.000**					**584.000**	**3.045.000**	**0,37**	**1.037.550**	**62.905.550**	**3.087.500**	**579.100**	**386.200**		**629.100**	**275.000**			**4.956.900**	**57.948.650**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	8.240.000	21	A		13.851.000					306.000	1.305.000			15.462.000	659.300	123.700	82.500		154.600	55.000			1.075.100	14.386.900	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	8.095.000	21	A		11.097.000							0,30	417.000	11.514.000	647.700	121.500	81.000		115.100	55.000			1.020.300	10.493.700	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	6.843.000	26	A		11.097.000						870.000			11.967.000	547.500	102.700	68.500		119.700	55.000			893.400	11.073.600	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	8.865.000	21	A		11.097.000					278.000		0,07	620.550	11.995.550	709.300	133.000	88.700		120.000	55.000			1.106.000	10.889.550	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	6.545.000	26	A		11.097.000						870.000			11.967.000	523.700	98.200	65.500		119.700	55.000			862.100	11.104.900	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**68**			**24.377.600**			**4**	**1.500.000**		**1.740.000**			**27.617.600**	**1.306.300**	**245.100**	**163.400**		**276.200**	**165.000**			**2.156.000**	**25.461.600**	
6	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.154.000	21	A		7.618.000			4	1.500.000					9.118.000	412.400	77.400	51.600		91.200	55.000			687.600	8.430.400	
7	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.264.000	26	A		9.141.600						870.000			10.011.600	501.200	94.000	62.700		100.100	55.000			813.000	9.198.600	
8	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	4.908.000	21	A		7.618.000						870.000			8.488.000	392.700	73.700	49.100		84.900	55.000			655.400	7.832.600	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**316**		**73.064**	**72.843.091**	**4**	**776.884**							**73.619.975**	**4.901.100**	**919.500**	**613.500**		**736.100**	**660.000**		**654.750**	**8.484.950**	**65.135.025**	
9	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	6.050	6.031.708	1	194.269							6.225.977	404.100	75.800	50.600		62.300	55.000			647.800	5.578.177	
10	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	6.048	6.029.714									6.029.714	404.100	75.800	50.600		60.300	55.000			645.800	5.383.914	
11	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.287.000	26	A	5.902	5.884.155	1	203.346							6.087.501	423.000	79.400	52.900		60.900	55.000			671.200	5.416.301	
12	HL-01011	Nguyễn Văn Lễ	NV bảo vệ	5.231.000	27	A	6.048	6.029.714									6.029.714	418.500	78.500	52.400		60.300	55.000			664.700	5.365.014	
13	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	4.654	4.639.929									4.639.929	404.100	75.800	50.600		46.400	55.000			631.900	4.008.029	
14	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	5.122	5.106.514	1	185.000							5.291.514	384.900	72.200	48.200		52.900	55.000			613.200	4.678.314	
15	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	7.450	7.427.475	1	194.269							7.621.744	404.100	75.800	50.600		76.200	55.000		305.100	966.800	6.654.944	
16	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	6.966	6.944.938									6.944.938	404.100	75.800	50.600		69.400	55.000			654.900	6.290.038	
17	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.436	7.413.517									7.413.517	404.100	75.800	50.600		74.100	55.000			659.600	6.753.917	
18	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.287.000	27	A	4.644	4.629.959									4.629.959	423.000	79.400	52.900		46.300	55.000			656.600	3.973.359	
19	HL-00158	Bùi Văn Vượng	NV bảo vệ	5.287.000	27	A	5.778	5.760.530									5.760.530	423.000	79.400	52.900		57.600	55.000			667.900	5.092.630	
20	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	6.966	6.944.938									6.944.938	404.100	75.800	50.600		69.400	55.000		349.650	1.004.550	5.940.388	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**796**		**255.579**	**254.806.257**	**7**	**1.320.922**			**793.000**	**870.000**			**257.790.179**	**12.069.200**	**2.264.400**	**1.510.800**		**2.577.900**	**1.650.000**			**20.072.300**	**237.717.879**	
21	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.287.000	27	A	9.531	9.502.183					167.000	870.000			10.539.183	423.000	79.400	52.900		105.400	55.000			715.700	9.823.483	
22	HL-00672	Hoàng Văn Tiến	Bảo vệ cơ động	5.287.000	27	A	4.806	4.791.469									4.791.469	423.000	79.400	52.900		47.900	55.000			658.200	4.133.269	
23	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.745.000	27	A	8.775	8.748.469									8.748.469	379.700	71.200	47.500		87.500	55.000			640.900	8.107.569	
24	HL-02362	Đặng Hữu Đoàn	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	7.202	7.180.225	1	176.192							7.356.417	366.500	68.800	45.900		73.600	55.000			609.800	6.746.617	
25	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	NV bảo vệ	5.287.000	27	A	9.477	9.448.346									9.448.346	423.000	79.400	52.900		94.500	55.000			704.800	8.743.546	
26	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	9.450	9.421.428	1	194.269							9.615.697	404.100	75.800	50.600		96.200	55.000			681.700	8.933.997	
27	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	8.476	8.450.373									8.450.373	398.600	74.800	49.900		84.500	55.000			662.800	7.787.573	
28	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.231.000	27	A	7.209	7.187.204									7.187.204	418.500	78.500	52.400		71.900	55.000			676.300	6.510.904	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
29	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	9.693	9.663.693									9.663.693	384.900	72.200	48.200		96.600	55.000			656.900	9.006.793	
30	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.202	7.180.225	1	194.269							7.374.494	404.100	75.800	50.600		73.700	55.000			659.200	6.715.294	
31	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.231.000	27	A	5.427	5.410.591									5.410.591	418.500	78.500	52.400		54.100	55.000			658.500	4.752.091	
32	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	9.693	9.663.693									9.663.693	398.600	74.800	49.900		96.600	55.000			674.900	8.988.793	
33	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	9.672	9.642.757									9.642.757	366.500	68.800	45.900		96.400	55.000			632.600	9.010.157	
34	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.202	7.180.225	1	185.000							7.365.225	384.900	72.200	48.200		73.700	55.000			634.000	6.731.225	
35	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	11.394	11.359.550									11.359.550	384.900	72.200	48.200		113.600	55.000			673.900	10.685.650	
36	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	7.452	7.429.469									7.429.469	398.600	74.800	49.900		74.300	55.000			652.600	6.776.869	
37	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	9.958	9.927.892	1	185.000							10.112.892	384.900	72.200	48.200		101.100	55.000			661.400	9.451.492	
38	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.745.000	27	A	8.829	8.802.306					139.000				8.941.306	379.700	71.200	47.500		89.400	55.000			642.800	8.298.506	
39	HL-00279	Cao Văn Trường	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	10.166	10.135.263					139.000				10.274.263	423.000	79.400	52.900		102.700	55.000			713.000	9.561.263	
40	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	27	A	10.989	10.955.775									10.955.775	423.000	79.400	52.900		109.600	55.000			719.900	10.235.875	
41	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	9.612	9.582.938									9.582.938	404.100	75.800	50.600		95.800	55.000			681.300	8.901.638	
42	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	9.099	9.071.489									9.071.489	404.100	75.800	50.600		90.700	55.000			676.200	8.395.289	
43	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	5.642	5.624.941	1	185.000							5.809.941	384.900	72.200	48.200		58.100	55.000			618.400	5.191.541	
44	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	6.048	6.029.714									6.029.714	404.100	75.800	50.600		60.300	55.000			645.800	5.383.914	
45	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	8.892	8.865.115	1	201.192							9.066.307	418.500	78.500	52.400		90.700	55.000			695.100	8.371.207	
46	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	9.880	9.850.128									9.850.128	404.100	75.800	50.600		98.500	55.000			684.000	9.166.128	
47	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội phó bảo vệ	5.682.000	26	A	9.568	9.539.071					209.000				9.748.071	454.600	85.300	56.900		97.500	55.000			749.300	8.998.771	
48	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.902	5.884.155									5.884.155	404.100	75.800	50.600		58.800	55.000			644.300	5.239.855	
49	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	9.747	9.717.530									9.717.530	404.100	75.800	50.600		97.200	55.000			682.700	9.034.830	
50	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	27	A	8.586	8.560.040					139.000				8.699.040	398.600	74.800	49.900		87.000	55.000			665.300	8.033.740	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**629**		**151.479**	**151.021.003**	**9**	**1.734.114**			**167.000**				**152.922.117**	**9.654.400**	**1.811.300**	**1.208.600**		**1.529.100**	**1.320.000**			**15.523.400**	**137.398.717**	
51	HL-02913	Hoàng Kim Thắng	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	4.806	4.791.469									4.791.469	404.100	75.800	50.600		47.900	55.000			633.400	4.158.069	
52	HL-01116	Đỗ Văn Tuyến	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	4.806	4.791.469									4.791.469	398.600	74.800	49.900		47.900	55.000			626.200	4.165.269	
53	HL-05670	Nguyễn Đức Ngọc	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	5.589	5.572.102									5.572.102	384.900	72.200	48.200		55.700	55.000			616.000	4.956.102	
54	HL-06523	Dương Đình Thảo	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	8.100	8.075.509	2	370.000							8.445.509	384.900	72.200	48.200		84.500	55.000			644.800	7.800.709	
55	HL-06190	Trần Nhật Nam	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	5.642	5.624.941									5.624.941	366.500	68.800	45.900		56.200	55.000			592.400	5.032.541	
56	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	6.048	6.029.714									6.029.714	398.600	74.800	49.900		60.300	55.000			638.600	5.391.114	
57	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	4.266	4.253.102									4.253.102	398.600	74.800	49.900		42.500	55.000			620.800	3.632.302	
58	HL-02299	Trần Đức Huệ	NV bảo vệ	4.745.000	25	A	6.050	6.031.708	1	182.500							6.214.208	379.700	71.200	47.500		62.100	55.000			615.500	5.598.708	
59	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	7.128	7.106.448									7.106.448	384.900	72.200	48.200		71.100	55.000			631.400	6.475.048	
60	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	5.575	5.558.144	1	194.269							5.752.413	404.100	75.800	50.600		57.500	55.000			643.000	5.109.413	
61	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.231.000	27	A	5.589	5.572.102									5.572.102	418.500	78.500	52.400		55.700	55.000			660.100	4.912.002	
62	HL-02152	Đào Văn Bình	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	8.164	8.139.316	1	201.192							8.340.508	418.500	78.500	52.400		83.400	55.000			687.800	7.652.708	
63	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.287.000	21	A	5.649	5.631.920									5.631.920	423.000	79.400	52.900		56.300	55.000			666.600	4.965.320	
64	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.590	5.573.099	1	194.269							5.767.368	404.100	75.800	50.600		57.700	55.000			643.200	5.124.168	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
65	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	27	A	7.938	7.913.999									7.913.999	454.600	85.300	56.900		79.100	55.000			730.900	7.183.099	
66	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	Gác cửa lò	4.982.000	27	A	6.048	6.029.714									6.029.714	398.600	74.800	49.900		60.300	55.000			638.600	5.391.114	
67	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.287.000	27	A	5.103	5.087.571									5.087.571	423.000	79.400	52.900		50.900	55.000			661.200	4.426.371	
68	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	6.890	6.869.168	1	203.346							7.072.514	423.000	79.400	52.900		70.700	55.000			681.000	6.391.514	
69	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	7.725	7.701.643	1	194.269							7.895.912	404.100	75.800	50.600		79.000	55.000			664.500	7.231.412	
70	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	7.344	7.321.795									7.321.795	384.900	72.200	48.200		73.200	55.000			633.500	6.688.295	
71	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	5.589	5.572.102									5.572.102	404.100	75.800	50.600		55.700	55.000			641.200	4.930.902	
72	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.396	6.376.662	1	194.269			167.000				6.737.931	404.100	75.800	50.600		67.400	55.000			652.900	6.085.031	
73	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	7.722	7.698.653									7.698.653	384.900	72.200	48.200		77.000	55.000			637.300	7.061.353	
74	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	7.722	7.698.653									7.698.653	404.100	75.800	50.600		77.000	55.000			662.500	7.036.153	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**430**		**117.706**	**117.350.116**	**2**	**395.461**			**139.000**				**117.884.577**	**6.442.200**	**1.208.500**	**806.500**	**-555.235**	**1.178.600**	**880.000**	**514.800**		**10.475.365**	**107.409.212**	
75	HL-02099	Nguyễn Công Thành	NV bảo vệ	5.287.000	27	A	11.745	11.709.489									11.709.489	423.000	79.400	52.900	-555.235	117.100	55.000			172.165	11.537.324	
76	HL-02422	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.745.000	27	A	7.884	7.860.163									7.860.163	379.700	71.200	47.500		78.600	55.000	143.000		775.000	7.085.163	
77	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	5.966.000	27	A	10.125	10.094.387					139.000				10.233.387	477.300	89.500	59.700		102.300	55.000			783.800	9.449.587	
78	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	7.452	7.429.469									7.429.469	404.100	75.800	50.600		74.300	55.000	143.000		802.800	6.626.669	
79	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	6.966	6.944.938									6.944.938	384.900	72.200	48.200		69.400	55.000	85.800		715.500	6.229.438	
80	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	7.506	7.483.306									7.483.306	384.900	72.200	48.200		74.800	55.000	28.600		663.700	6.819.606	
81	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.552	6.532.190	1	194.269							6.726.459	404.100	75.800	50.600		67.300	55.000			652.800	6.073.659	
82	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	27	A	8.505	8.479.285									8.479.285	366.500	68.800	45.900		84.800	55.000			621.000	7.858.285	
83	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	3.753	3.741.653									3.741.653	384.900	72.200	48.200		37.400	55.000			597.700	3.143.953	
84	HL-03938	Phạm Văn Giáp	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	6.966	6.944.938									6.944.938	384.900	72.200	48.200		69.400	55.000	85.800		715.500	6.229.438	
85	HL-03802	Vũ Văn Hùng	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	8.559	8.533.122									8.533.122	404.100	75.800	50.600		85.300	55.000			670.800	7.862.322	
86	HL-03113	Đinh Hữu Chiến	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	7.506	7.483.306									7.483.306	398.600	74.800	49.900		74.800	55.000	28.600		681.700	6.801.606	
87	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	6.993	6.971.857									6.971.857	404.100	75.800	50.600		69.700	55.000			655.200	6.316.657	
88	HL-03808	Trịnh Văn Minh	NV bảo vệ	5.051.000	27	A	6.453	6.433.489									6.433.489	404.100	75.800	50.600		64.300	55.000			649.800	5.783.689	
89	HL-04919	Nguyễn Văn Tuấn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	27	A	4.293	4.280.020									4.280.020	418.500	78.500	52.400		42.800	55.000			647.200	3.632.820	
90	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiễn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	26	A	6.448	6.428.504	1	201.192							6.629.696	418.500	78.500	52.400		66.300	55.000			670.700	5.958.996	
Tổng cộng					**2.354**		**597.828**	**678.637.067**	**22**	**4.227.381**	**4**	**1.500.000**	**1.683.000**	**5.655.000**	**0,37**	**1.037.550**	**692.739.998**	**37.460.700**	**7.027.900**	**4.689.000**	**-555.235**	**6.927.000**	**4.950.000**	**514.800**	**654.750**	**61.668.915**	**631.071.083**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng